

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2019

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Cải

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 577/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Bích N, sinh năm 1986; nơi cư trú: số nhà 97 đường V, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1977; nơi cư trú: số nhà 23/29/455 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Ngô Thị Bích N và bị đơn là anh Trần Văn S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-12-2018, bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 11-7-2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống; bản thân anh Sơn là người gia trưởng, bảo thủ, hay chửi đánh vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh S không thay đổi. Ngày 21-11-2016 chị đã đưa con đi nơi khác sinh sống và từ đó vợ chồng ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị giải quyết ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Hương G, sinh ngày 08-02-2013 và Trần Minh L, sinh ngày 25-10-2014. Hiện nay hai cháu đang ở với chị. Về nuôi con chị N xin được nuôi cháu L, còn cháu G đề nghị giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Ngô Thị Bích N không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn S đã được triệu tập đến Tòa án làm bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S không khai và sau khi trình bày tại phiên hòa giải anh S cũng không ký biên bản.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh trình bày thống nhất như chị N về điều kiện, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng vẫn có thể hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nên anh không mong muốn ly hôn, còn chị N vẫn giữ quan điểm giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Trần Văn S thống nhất như chị N trình bày. Về nuôi con anh nhất trí với quan điểm của chị N là anh nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Hương G, còn cháu Trần Minh L giao cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Trần Văn S không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 04-01-2019, chính quyền địa phương nơi chị N và anh S sinh sống cung cấp: Vợ chồng chị N và anh S có phát sinh mâu thuẫn, tổ dân phố đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cuối năm 2016 chị N đã đưa hai con chuyển đi nơi khác sinh sống từ đó đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ anh Sơn tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các cuộc hòa giải, anh S có mặt nhưng không ký vào biên bản.

Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S đã trầm trọng. Tại phiên tòa chị N đề nghị giải quyết ly hôn với anh S, anh S cũng nhất trí ly hôn với chị N, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh S.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trần Ngọc Hương G, sinh ngày 08-02-2013 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Minh L, sinh ngày 25-10-2014 cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Chị N và anh S không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng về quan điểm. Chị N đã chuyển đi nơi khác sinh sống từ cuối năm 2016 và từ đó hai bên sống ly thân kéo dài nhiều năm. Chị N giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh S. Anh S cũng nhất trí ly hôn với chị N. Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S xác định có hai con chung là Trần Ngọc Hương G, sinh ngày 08-02-2013 và Trần Minh L, sinh ngày 25-10-2014. Tại phiên tòa chị N và anh S thống nhất là giao cháu G cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng, và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét sự thỏa thuận là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và sẽ giao cháu G cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị N và anh S không

phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Ngô Thị Bích N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S.

2. Về nuôi con:

- Giao con Trần Ngọc Hương G; giới tính: Nữ; sinh ngày 08-02-2013 cho anh Trần Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao con Trần Minh L; giới tính: Nam; sinh ngày 25-10-2014 cho chị Ngô Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000414 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Bích N và anh Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND P.T, TP. N;
- UBND P. H, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bang

